TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/HSST
Ngày 13-09-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Hảo
Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân L - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 09 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2023/HSST ngày 13 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 06 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐ- HPT ngày 13-07-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐ- HPT ngày 22-08-2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị A, sinh ngày 10-01-1982 tại Nghệ An; giới tính: Nữ; Nơi thường trú và nơi ở: Số H Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Y và bà Trương Thị T1; chồng: Lê Khắc C; có hai con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

2. Nguyễn Sỹ P, sinh ngày 28-07-1990 tại Nghệ An; giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lăk; nơi ở: Số H Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Long Thị L1; có hai con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

3. Trần Đình T, sinh ngày 10-10-1983 tại Hà Tĩnh; giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi ở: Số H Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị L2; vợ : Thái Thị P1, có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 28/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

4. Nguyễn Văn M, sinh ngày 18-12-1986 tại Quảng Trị; giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi ở: Số D H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Thợ lặn; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (chết) và bà Nguyễn Thị H2; vợ: Lê Thị Vân H3; có hai con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 24/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

5. Nguyễn Thụy N, sinh ngày 12-09-1985 tại Nghệ An; giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi ở: Số A Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thụy C1 và bà Phạm Thị D; vợ: Nguyễn Thị H4; có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 23/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

6. Nguyễn Thị N1, sinh ngày 29-07-1985 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; giới tính: Nữ; Nơi thường trú và nơi ở: Số H đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T4 và bà Phạm Thị T5; chồng: Đinh Văn P2; có hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

7. Nguyễn Thị H, sinh ngày 02-10-1982 tại Nghệ An; giới tính: Nữ; Nơi thường trú và nơi ở: Số I Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M1 và bà Võ Thị H5; chồng: Tạ Quang H6; có hai con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự -Tiền án: không; Bị bắt ngày 13-12-2022, Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 22-12-2022; áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 25/LC-Đ2 ngày 22-12-2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị A, Nguyễn Sỹ P, Trần Đình T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thụy N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn B (chưa xác định được nhân thân) có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau từ trước. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13-12-2022; P, M, N, T và Nguyễn Đình T6 (sinh năm 1986, thường trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là bạn của T) đến chơi nhà của A tại số H Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại đây, P, M, N, T rủ nhau chơi đánh bài ăn tiền hình thức đánh bài phỏm. Được A đồng ý, cả nhóm đi lên căn phòng trống trên tầng 1, lấy bộ bài Tây 52 lá có sẵn trong phòng đánh bài phỏm ăn tiền. Quy định mỗi ván bài ăn thua từ 20.000 đồng đến tối đa 330.000 đồng, nếu ai thắng được nhiều tiền trong một ván bài sẽ phải trích lại 20.000 đồng đưa cho A để A mua bài Tây, nước uống. Riêng T6 không tham gia chỉ ngồi trong phòng xem.

Từ sau 12 giờ cùng ngày, có thêm H, N1, B đến nhà A chơi. Do đông người nên cả nhóm thống nhất chuyển sang đánh bài liêng ăn tiền, đưa cho A số tiền trích lại trong quá trình chơi bài phỏm là 60.000 đồng. Sau đó, A cùng với P, M, N, T, H, N1 và B cùng chơi bài liêng với nhau.

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài 52 quân bài từ A đến K cụ thể như sau: Khi bắt đầu chơi một người dùng bộ bài trộn đều rồi đặt úp xuống, mỗi người sẽ chọn 01 quân bài rồi lật ra để so sánh, ai có quân bài lớn hơn thì được quyền chia bãi và “tố" đầu tiên. Trước khi chia bài, mỗi người phải đặt 20.000 đồng, gọi là “tiền tây”. Sau đó người chia bài sẽ chia cho mỗi người 03 quân bài úp kín, còn lại bài ở giữa là "bãi lọc”. Sau khi tự xem bài của mình xong thì người được chia bài sẽ tùy thuộc vào “cước” bài của mình mà tố tiền tiếp theo, nhưng số lượng tiền tố quy định từ 30.000 đồng đến tối đa là 200.000 đồng/1 ván. Sau khi tố xong thì lần lượt những người chơi còn lại tùy thuộc vào cửa mình có thể theo hoặc không theo. Nếu theo thì bỏ thêm số lượng tiền đã tố, nếu không theo thì úp bài coi như ván đó thua và mất 20.000 đồng. Sau khi tố xong thì các cửa theo tố đều lật bài để so sánh cước bài.

Quy định cước bài như sau: Cước lớn nhất là "sáp", tức là ba quân bài giống nhau cùng bộ, khác chất. Nếu nhiều người cùng có bài "sáp" thì "sáp" to thắng "sáp" nhỏ. Cước lớn thứ hai là "liêng", tức là có 05 quân liên tiếp nhau, có thể cùng chất hoặc không cùng chất, nếu nhiều người cùng có "liêng" thì "liêng" to thắng "liêng" nhỏ. Cước lớn thứ ba là "ba tiên" tức là ba quân bài đều có hình người. Cuối cùng là tính điểm, tổng điểm tính đến 9 (theo quy định cộng tổng điểm của 03 quân bài lại rồi trừ đi 0 hoặc 10 hoặc 20, quân bài có hình tính bằng 0 điểm, quân A tính bằng 1 điểm), bài nào điểm to thì thắng. Nếu những người chơi cùng điểm thì phải so sánh chất theo thứ tự bé dần là: cơ, rô, bích, nhép. Bài của ai có cước hoặc điểm lớn nhất thì thắng và được thu hết tiền (gồm cả tiền "tây", tiền "tố" và tiền "theo") của tất cả những người chơi khác và có quyền chia bài ván sau, có quyền "tố" đầu tiên của ván bài đó. Cứ như vậy mỗi ván bài diễn ra trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 phút. Trường hợp ai thắng được nhiều tiền trong một ván bài sẽ trích lại 20.000 đồng đưa cho A sử dụng để mua bài Tây, nước uống, thuốc lá và cơm.

Cả nhóm đã đánh bạc đến 15 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố V kiểm tra, phát hiện Nguyễn Thị A, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thụy N, Trần Đình T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B và Nguyễn Đình T6 đang có mặt tại căn phòng trống tầng 1.

Lúc này, A ném toàn bộ bài Tây ra bãi đất trống sau nhà, cất giấu túi xách của N1 và bóp da của N bên trong có số tiền 13.600.000 đồng vào két sắt tại phòng ngủ ở tầng 1 để che giấu hành vi đánh bạc; các đối tượng còn lại thì cất giấu số tiền dùng đánh bạc trong người hoặc các vị trí trong phòng.

Qua làm việc, Nguyễn Thị A, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thụy N, Trần Đình T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B giao nộp toàn bộ số tiền dùng đánh bạc; thừa nhận tham gia đánh bạc ăn tiền tại đây; riêng Nguyễn Đình T6 chỉ ngồi xem. Công an thành phố V lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng.

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Sỹ P đem theo 3.500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc; khi bị phát hiện P thua nên thu giữ 2.630.000 đồng; do đó số tiền đánh bạc của P là 3.500.000 đồng.

Nguyễn Văn M đem theo 2.600.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc; khi bị phát hiện M thua nên bị thu giữ 2.140.000 đồng; do đó số tiền đánh bạc của M là 2.600.000 đồng.

Nguyễn Thụy N đem theo 14.000.000 đồng; trong đó có 12.000.000 đồng là tiền lương vừa nhận được; N chỉ sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc; khi bị phát hiện N đang thua 400.000 đồng; số tiền còn lại N cất trong ví da và đưa cho Nguyễn Thị N1 cất giữ; N1 đưa cho Nguyễn Thị A cất vào két sắt tại nhà A. Qua khám xét, Công an thành phố V thu giữ số tiền 13.600.000 đồng của Nguyễn Thụy N, tuy nhiên số tiền dùng đánh bạc của N được xác định là 2.000.000 đồng.

Trần Đình T đem theo 2.500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc; khi bị phát hiện Toàn thắng nên bị thu giữ 2.900.000 đồng; do đó số tiền đánh bạc của T là 2.900.000 đồng.

Nguyễn Thị N1 đem theo 1.700.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc; khi bị phát hiện N1 đã thua hết số tiền này nên không bị thu giữ; do đó xác định số tiền đánh bạc của N1 là 1.700.000 đồng.

Nguyễn Thị H đem theo 540.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc; khi bị phát hiện H thua nên bị thu giữ 460.000 đồng; do đó số tiền đánh bạc của H là 540.000 đồng.

Nguyễn Thị A sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc; khi bị phát hiện A thắng nên bị thu giữ 1.730.000 đồng (gồm cả 160.000 đồng tiền xâu nhận được trong suốt quá trình đánh bạc, A dùng cả tiền này để chơi đánh bạc); do đó số tiền đánh bạc của A là 1.730.000 đồng.

Nguyễn Văn B tham gia đánh bạc, số tiền thu giữ của B tại biên bản vụ việc là 4.600.000 đồng, B khai nhận đây là tiền đánh bạc; do đó xác định số tiền đánh bạc của Nguyễn Văn B là 4.600.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Ba đã bỏ trốn.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị A, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thụy N, Trần Đình T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H đều khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Thu giữ vật chứng gồm:

- 01 chăn bằng vải nhung, in bông hoa màu đỏ - đen - trắng - nâu, kích thước khoảng 1,5x2 mét là của A sử dụng để lót dưới sàn nhà khi thực hiện hành vi đánh bạc.

- 07 bộ bài tây đã qua sử dụng, 03 bộ bài Tây chưa qua sử dụng; A chuẩn bị để phục vụ đánh bạc.

- Tổng tiền thu giữ từ các bị can là 14.460.000 đồng. Trong đó: thu của A 1.730.000 đồng; thu của M 2.140.000 đồng; thu của P 2.630.000 đồng; thu của T 2.900.000 đồng; thu của H 460.000 đồng; thu của Ba 4.600.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại nhà của Nguyễn Thị A, thu giữ trong két sắt:

- Thu của A số tiền 23.010.000 đồng (không sử dụng để đánh bạc).

- 01 bóp nam màu nâu không có nhãn hiệu, kích thước khoảng13x10x2 centimet, bên trong có số tiền 13.600.000 đồng của N (trong đó số tiền 12.000.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc; số tiền 1.600.000 đồng là tiền còn lại sau khi đánh bạc).

- Chứng minh nhân dân số 273613537 đứng tên Nguyễn Thụy N.

- 01 túi xách màu đen không có nhãn hiệu, kích thước khoảng 20x15x5 centimet của N1.

Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định xử lý đồ vật, tài sản bằng hình thức trả lại cho Nguyễn Thị A số tiến 23.010.000 đồng; trả lại Nguyễn Thụy N số tiền 12.000.000 đông, một bóp nam màu nâu không có nhãn hiệu và chứng minh nhân dân số 273613537; trả lại Nguyễn Thị N1 một túi xách màu đen không có nhãn hiệu.

Nguyễn Thị A sử dụng địa điểm là nhà của mình, chuẩn bị chăn, bài tây để các bị can đánh bạc, thu tiền xâu phục vụ cả nhóm ăn uống. Nhưng do số người tham gia đánh bạc dưới 10 người và chỉ có một chiếu bạc, tổng số tiền đánh bạc dưới 20.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị A về hành vi tổ chức đánh bạc.

Nguyễn Văn B lợi dụng sơ hở bỏ trốn, do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra đã ban hành Thông báo truy tìm ngày 14-12-2022 và quyết định tách hành vi của Nguyễn Văn B, khi nào bắt được xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKSVT ngày 20-05-2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Sỹ P, Trần Đình T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thụy N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo hình phạt

tiền cụ thể như sau: A từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; P từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng; T từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; Mùi từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng; N từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng; N1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; H từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố V và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận bị bắt quả tang lúc 15 giờ ngày 13-12-2022 khi đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép tại số nhà H Đường C, phường A, thành phố V. Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 19.570.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét hành vi các bị cáo thực hiện là hành vi đánh bạc trái phép, thuộc trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau, mục đích được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc với nhau là 19.570.000 đồng. Trong đó các bị cáo đã sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc cụ thể như sau: Bị cáo P 3.500.000 đồng, T 2.900.000 đồng, M 2.600.000 đồng, N 2.000.000 đồng, A 1.730.000 đồng, N1 1.700.000 đồng, H 540.000

đồng, Nguyễn Văn B 4.600.000 đồng . Vì vậy, hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến các loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Trong đó bị cáo A là người sử dụng địa điểm nhà của mình để đánh bạc, chuẩn bị công cụ đánh bạc. Đồng thời căn cứ số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo A có cha được tặng thưởng Kỷ niệm chương Mặt trận Đường 9 Quảng Trị (B5) và chiến sỹ bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972; bà nội bị cáo M được tặng thưởng Huy chương kháng chiến vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chồng Mỹ cứu nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Xét các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc không lớn; các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo chỉ là những người làm công việc có thu nhập thấp, các con đều trong độ tuổi đi học cần sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ; các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nên xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, để các bị cáo có điều kiện tự cải tạo, tiếp tục làm việc tạo thu nhập nuôi các con ăn học.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Nguyễn Sỹ P đem theo 3.500.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn M đem theo 2.600.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị H đem theo 540.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Thụy N đem theo 2.000.000 đồng để đánh bạc. Do bị thua bạc nên khi bị bắt quả tang chỉ thu của Nguyễn Sỹ P 2.630.000 đồng, thu của Nguyễn Văn M 2.140.000 đồng, thu của Nguyễn Thị H đem theo 460.000 đồng, thu của Nguyễn Thụy N 1.600.000 đồng. Vì vậy, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Bị cáo P phải nộp 870.000 đồng, bị cáo M phải nộp 460.000 đồng, bị cáo H phải nộp 80.000 đồng, bị cáo N phải nộp 400.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 chăn bằng vải nhung; 07 bộ bài Tây đã qua sử dụng; 03 bộ bài Tây chưa qua sử dụng; các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 16.060.000 đồng thu giữ của các bị cáo, là tài sản thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị A, Nguyễn Sỹ P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thụy N, Trần Đình T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H phạm tội "Đánh bạc".

2. Xử phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt Nguyễn Thị A hình phạt tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt Nguyễn Văn M hình phạt tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt Nguyễn Sỹ P hình phạt tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt Trần Đình T hình phạt tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt Nguyễn Thụy N hình phạt tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt Nguyễn Thị N1 hình phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt Nguyễn Thị H hình phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; buộc Nguyễn Sỹ P phải nộp 870.000 đồng (tám trăm bảy mươi ngàn đồng), Nguyễn Văn M phải nộp 460.000 đồng (bốn trăm sáu mươi ngàn đồng), Nguyễn Thị H phải nộp 80.000 đồng (tám mươi ngàn đồng), Nguyễn Thụy

N phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chăn bằng vải nhung kích thước 1,5m x 02m; 10 bộ bài Tây.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 16.060.000 đồng (mười sáu triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 249/BB-CCTHADS ngày 10-07-2023 và Giấy nộp tiền mặt số 0051 ngày 10-08-2023.

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Công an TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.